



PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

ANNEX CONTRACT

Số/No.

Căn cứ Hợp đồng số:, ký ngày, và nhu cầu về tuân thủ **Quy định về an toàn vệ sinh lao động và môi trường tại Sika**, hai bên thỏa thuận cùng nhau thống nhất các nội dung sau:

Following Contract No.:....., signed on, and the need for compliance with Regulations on occupational safety and health and environment at Sika, the two parties mutually agree on the following contents:

BÊN MUA/ BUYER

CÔNG TY SIKA HỮU HẠN VIỆT NAM

: **SIKA LIMITED (VIET NAM)**

Địa chỉ/ *Address*

:

Tài khoản ngân hàng/ *Bank*

:

account

Mã số thuế/ *Tax code*

:

Số điện thoại/ *Tel*

: Fax:.....

Đại diện/ *Represented by*

: **Ông/Mr (Bà/ Ms)**

Chức vụ/ *Position*

:

Sau đây gọi tắt là "Sika"

Hereinafter referred to as "Sika"

NHÀ CUNG CẤP/ SUPPLIER

CÔNG TY

Địa chỉ/ *Address*

:

Tài khoản ngân hàng/ *Bank*

:

account

Mã số thuế/ *Tax code*

:

Số điện thoại/ *Tel*

: Fax:

Đại diện/ *Represented by*

: **Ông/Mr (Bà/ Ms)**.....

Chức vụ/ *Position*

:

Sau đây gọi tắt là "Nhà Cung cấp"

Hereinafter referred to as "Supplier"

ĐIỀU 1/ ARTICLE 1: QUY ĐỊNH/ REGULATIONS

1.1 Khi nhân viên Nhà Cung cấp vi phạm các quy định EHS dưới đây thì buộc phải dừng công việc, thay thế nhân viên khác và chịu các khoản phạt tương ứng theo bảng dưới đây:

When the Supplier's employees violate the following EHS regulations, work must be halted, the violating employee must be immediately replaced, and the Supplier will incur the corresponding penalties outlined in the table below:

QUY ĐỊNH REGULATIONS	TIÊU CHUẨN PHẠT PENALTIES (VND)	
	Lần 1 1 st time	Lần 2 2 nd time
A. Nội quy công ty/ Company regulations		
1. Vào Khu vực sản xuất/ kho/ lab mà không có người hướng dẫn và được cho phép trước <i>Entering the production/ warehouse/ lab area without prior permission</i>	500,000	1,000,000
2. Quay phim/ chụp hình trong khu vực sản xuất/ kho hàng/ lab <i>Filming / taking photos in production area/ warehouse/ lab</i>	500,000	1,000,000
3. Hút thuốc trong công ty ở nơi không được phép <i>Smoking in an unauthorized area of the company</i>	500,000	1,000,000
4. Không giữ gìn vệ sinh chung trong khuôn viên công ty <i>Failing to maintain cleanliness within the company premises</i>	200,000	1,000,000
5. Ăn uống sai nơi quy định của công ty <i>Eating and drinking in unauthorized areas of the company</i>	200,000	1,000,000
6. Uống rượu, bia trong khuôn viên công ty <i>Drink wine, beer in the company</i>	3,000,000	6,000,000
7. Vệ sinh cá nhân không đúng nơi quy định (nếu có) trong phạm vi công ty <i>Personal hygiene is not at the prescribed place (if any) within the company</i>	200,000	1,000,000
8. Nghiêm cấm các hành vi đùa giỡn, rượt đuổi, chạy nhảy trong khuôn viên công ty <i>It is not allowed for all activities such as play, horseplay, running inside the company</i>	200,000	1,000,000
9. Cởi trần, mặc áo ba lỗ, mặc quần đùi trong công ty <i>Wear half-naked, undershirt, cut-shorts in the company</i>	200,000	1,000,000
10. Không tắt các thiết bị điện khi rời khỏi nơi làm việc <i>Not turn off electrical appliances when leaving the workplace</i>	500,000	1,000,000
11. Không khoá van nước sau khi sử dụng <i>Not lock water valves properly after usage</i>	500,000	1,000,000



QUY ĐỊNH <i>REGULATIONS</i>	TIÊU CHUẨN PHẠT <i>PENALTIES (VND)</i>	
	Lần 1 <i>1st time</i>	Lần 2 <i>2nd time</i>
12. Không đi đúng phần đường quy định dành cho người đi bộ <i>Not follow to the walk-ways for pedestrians</i>	200,000	1,000,000
13. Làm việc ngoài giờ trong công ty mà không có “Phiếu đăng ký làm việc ngoài giờ” đã được phê duyệt trình tại cổng Bảo vệ <i>Work in Sika during out of office hours without approved “Overtime registration sheet” submitted at the Security</i>	500,000	1,000,000
14. Có hành vi, thái độ chống đối, không hợp tác với Bảo vệ hoặc Nhân viên công ty khi được nhắc nhở liên quan đến những hành vi vi phạm nội quy của công ty <i>Show up un-cooperated behaviors, opposed attitudes toward Security guards or company Employees even reminded regarding violations of company regulations</i>	3,000,000	6,000,000
B. Quy định EHS/ <i>EHS regulations</i>		
15. Đi vào những nơi không được phép hoặc bị giới hạn <i>Enter the un-authorized or limited areas</i>	500,000	1,000,000
16. Không trang bị PPE tối thiểu khi vào xưởng sản xuất, nhà kho, khu vực giao nhận hàng hóa: kính bảo hộ, giày bảo hộ, áo phản quang và nón bảo hộ <i>No minimal equipment when entering the factory: safety glasses, safety shoes, vest safety and safety helmet</i>	500,000	1,000,000
17. Không tuân thủ các biển báo an toàn trong công ty <i>Ignore Safety signboards in the company</i>	1,000,000	3,000,000
18. Lái xe hoặc làm việc dưới ảnh hưởng của nồng độ cồn hoặc chất kích thích <i>Drive or work under the influence of alcohol or drugs</i>	3,000,000	6,000,000
19. Điều khiển xe quá tốc độ quy định (10km/h) trong khuôn viên công ty. Đậu xe không đúng nơi quy định <i>Operate vehicle over the speed limit (10km/h) on company premises. Park in the wrong place</i>	1,000,000	3,000,000
20. Không đóng cửa cabin khi xe đã dừng đỗ trong khuôn viên công ty <i>Do not close properly vehicles doors when parking inside the company premises</i>	1,000,000	3,000,000
21. Để máy nổ và không cài thắng tay, không chèn bánh xe khi đang giao nhận hàng hóa <i>Leave the engine running and do not set the handbrake, do not insert the wheel while delivering the goods</i>	1,000,000	3,000,000

QUY ĐỊNH REGULATIONS	TIÊU CHUẨN PHẠT PENALTIES (VND)	
	Lần 1 1st time	Lần 2 2nd time
22. Không nắm tay vịn khi lên xuống cầu thang <i>Not use handrails when going up / down stairs</i>	200,000	1,000,000
23. Sử dụng điện thoại khi đang lên xuống cầu thang <i>Use mobile phone when going up / down stairs</i>	200,000	1,000,000
24. Không cách ly khu vực công trình đang thi công <i>Construction area is not isolated</i>	500,000	1,000,000
25. Tự ý di chuyển các biển báo an toàn, rào chắn và / hoặc thiết bị an toàn trên công trường mà không có sự chấp thuận của bộ phận An toàn. <i>Remove safety signboards, barricades and/or safety equipment on site without approval from Safety department</i>	1,000,000	3,000,000
26. Không có giấy phép làm việc khi thực hiện các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về giấy phép <i>Not having a work permit when performing jobs with strict permit requirements</i>	3,000,000	6,000,000
27. Không sử dụng / sử dụng thiếu các thiết bị an toàn / không tuân thủ theo giấy phép làm việc <i>Not use / lack of safety equipment / do not comply with work permits</i>	3,000,000	6,000,000
28. Không sắp xếp gọn gàng các dụng cụ, vật liệu và trang thiết bị tại khu vực làm việc trước, trong và sau khi thi công <i>Leave tools, material and equipment all around before, during and after execution period</i>	200,000	1,000,000
29. Đưa vào và sử dụng các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ mà không thông báo cho Bộ phận An toàn <i>Put in and use equipment with strict OSH requirements without notifying the Safety Department</i>	3,000,000	6,000,000
30. Thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ được mang vào Sika không được kiểm định, không có đủ hồ sơ đúng theo yêu cầu Luật định <i>Equipment with strict OSH requirements brought into Sika is not verified and does not have the correct records as required by the Law</i>	10,000,000	20,000,000
31. Không đóng kín các tủ điện sau khi rời khỏi nơi làm việc <i>Not close properly all doors of electric cabinet when leaving working areas</i>	200,000	1,000,000
32. Sửa máy móc trong khuôn viên công ty không được sự đồng ý của Bộ phận An toàn <i>Repair machines inside the company premises except any approved case by EHS Department</i>	3,000,000	6,000,000



QUY ĐỊNH REGULATIONS	TIÊU CHUẨN PHẠT PENALTIES (VND)	
	Lần 1 1st time	Lần 2 2nd time
33. Bảo trì, bảo dưỡng, vệ sinh máy móc, thiết bị không tuân thủ theo quy trình LOTO/ Không gian hạn chế/ Công việc sinh nhiệt/ Làm việc trên cao <i>Maintain, and clean machines and equipment are not in compliance with LOTO/ Confined space/ Hot work/ Work at height, etc. procedure</i>	3,000,000	6,000,000
34. Vận hành thiết bị sai mục đích và chưa được đào tạo và chưa được giao quyền sử dụng <i>Operate equipment for improper purposes and without training and permission to use</i>	3,000,000	6,000,000
35. Sử dụng, câu mắc dây điện, nối đất các trang thiết bị điện không đảm bảo an toàn trong khuôn viên công ty <i>Improper wiring, use and proper earthing of electrical equipment in the company</i>	3,000,000	6,000,000
36. Sử dụng các nguồn năng lượng, trang thiết bị của công ty khi chưa được phép <i>Use the company energy and equipment without authorization</i>	3,000,000	6,000,000
37. Tự ý thao tác trên hệ thống thiết bị, chẳng hạn như: đóng, mở van, công tắc, v.v làm rò rỉ hóa chất ra môi trường, gây nguy hiểm, mất an toàn cho bản thân và những người xung quanh <i>Arbitrarily manipulate the equipment system such as: closing, opening valves, switches, etc leaking chemicals into the environment, endangering the safety of yourself and those around</i>	3,000,000	6,000,000
38. Người vận hành các thiết bị yêu cầu nghiêm ngặt không đáp ứng đủ theo yêu cầu của Luật định <i>Operators of equipment with strict requirements that do not meet statutory requirements</i>	10,000,000	20,000,000
39. Cố tình làm hư hại máy móc, thiết bị, công trình bảo vệ môi trường của công ty <i>Intentionally make a damage on environment protection machineries, equipment of the company</i>	Bồi thường gấp 5 lần thiệt hại và xử lý theo điều khoản 1.2b, c <i>Compensation for 5 times of damage & handled in accordance with clause 1.2b ,c</i>	
40. Để lẫn chất thải nguy hại với chất thải khác <i>Mix up different kinds of hazardous waste with other wastes</i>	1,000,000	3,000,000



QUY ĐỊNH REGULATIONS	TIÊU CHUẨN PHẠT PENALTIES (VND)	
	Lần 1 1st time	Lần 2 2nd time
41. Để xe rò rỉ nhớt, hóa chất trong khuôn viên công ty mà không thông báo và có biện pháp xử lý/thu gom <i>Let vehicle leak oil, chemicals in the company without notice and taking any treatment/collection measures</i>	1,000,000	3,000,000
42. Đổ hóa chất, chất thải vào lavabo, bồn rửa tay, bồn cầu, hệ thống thoát nước mưa <i>Pour chemicals and waste into lavabo, hand sink, toilet, rainwater drainage system</i>	3,000,000	6,000,000
43. Thao tác với các hóa chất nguy hiểm mà không có bảo hộ lao động thích hợp <i>Manipulate hazardous chemical substances without proper personal protective equipment</i>	1,000,000	3,000,000
44. Điều khiển phương tiện vận chuyển chất thải không che chắn hoặc để rơi vãi ra môi trường <i>Drive any truck of waste without cover or cause waste to scatter into environment</i>	5,000,000	10,000,000
45. Vi phạm các biện pháp phòng chống cháy nổ trong công ty <i>Failure to observe fire precautions</i>	1,000,000	3,000,000
46. Tự ý lấy, sử dụng các thiết bị ứng phó khẩn cấp không đúng mục đích <i>Arbitrarily take and use emergency response equipment for improper purposes</i>	1,000,000	3,000,000
47. Tạo môi trường làm việc không an toàn mà có thể dẫn đến thương tích nghiêm trọng/ tai nạn hoặc gây nguy hiểm cho người khác <i>Create unsafe environment at workplace which may result in serious injuries/accidents or endangering life and safety of others</i>	3,000,000	6,000,000
48. Không báo cáo tai nạn, sự cố ngay lập tức hoặc chậm nhất trong vòng 1 tiếng kể từ lúc xảy ra tai nạn hoặc sự cố <i>Failure to report an accident or incident immediately or at least within 1 hour at the time of the accident or incident</i>	3,000,000	6,000,000
49. Không báo cáo các sự cố môi trường xảy ra <i>Not report any happened environmental incident/ accident</i>	3,000,000	6,000,000
50. Cố tình không ký tên vào Biên bản vi phạm mặc dù đã được giải thích và có bằng chứng chứng minh vi phạm <i>Try not to sign into the Violation Report even be clearly explained and with violation evidence</i>	1,000,000	3,000,000



QUY ĐỊNH <i>REGULATIONS</i>	TIÊU CHUẨN PHẠT <i>PENALTIES (VND)</i>	
	Lần 1 <i>1st time</i>	Lần 2 <i>2nd time</i>
51. Các hành vi vi phạm khác về an toàn, môi trường, sức khỏe, an ninh trật tự mà ngoài danh mục liệt kê trên <i>Other violations of safety, environment, health, security and order that are not on the list listed above.</i>	Tùy vào mức độ vi phạm, thiệt hại và theo quyết định xử phạt của Sika và theo pháp luật Việt Nam <i>Depending on the severity of the violation, the damage and according to the sanctioning decision of Sika and Vietnam Law</i>	

Nhà Cung cấp chỉ được bắt đầu lại công việc khi các vấn đề về EHS đã được khắc phục và được sự đồng ý của Sika bao gồm Chủ dự án/ Công việc, Bộ phận Mua hàng và EHS.

The Supplier may only continue with the work once the EHS issues have been resolved and with the approval of Sika, including of the Project/ Work Owner, Procurement and EHS.

1.2 Trong trường hợp Nhà cung cấp vi phạm lần thứ 3 đối với bất kỳ hạng mục nào ở trên:

In the event that the Supplier violates any of the items above for the third time:

- a) Sika áp dụng mức phạt tương đương gấp 5 lần giá trị vi phạm theo mức phạt lần thứ 2
Sika applies a penalty equivalent to 5 times the value of the 2nd violation
- b) Sika có quyền không cho người vi phạm tiếp tục làm việc tại cơ sở Sika
Sika has the right to stop the violator from working on Sika premises any longer
- c) Nhà Cung cấp phải tự đào tạo EHS tại chỗ trong giờ làm việc mà không được đền bù
The Supplier has to do an on-site EHS training at their own cost during working hours without any compensation

ĐIỀU 2/ **ARTICLE 2:** NGUYÊN TẮC XỬ PHẠT / **PENALTY PRINCIPLE**

2.1 Các trường hợp vi phạm sẽ được lập thành “**Biên bản vi phạm**” bởi **Bộ phận An toàn của Sika**, có chữ ký xác nhận của người vi phạm, và bản sao sẽ được gửi về cho Nhà Cung cấp. Trong vòng 03 ngày làm việc, Nhà Cung cấp phải có trách nhiệm phản hồi về nội dung của Biên bản vi phạm. Nếu Sika không nhận được bất cứ phản hồi nào về Biên bản vi phạm trong thời gian trên, Biên bản vi phạm sẽ mặc nhiên được xác nhận là đồng ý bởi Nhà Cung cấp.

Violations will be made into a “Minutes of Violation” by Sika’s EHS Department, signed by the violator, and a copy will be sent to the Supplier. Within 03 days the Supplier must be responsible for giving feedback on the content of the Minutes of Violation. If Sika does not receive any feedback on the Minutes of Violation within the above time, the Minutes of Violation will automatically be confirmed as agreed by the Supplier.



2.2 Bất cứ vi phạm nào thuộc các quy định như Điều 1 do nhân viên Nhà Cung cấp gây ra, thì Nhà Cung cấp phải chịu thanh toán mức phạt tương ứng cho Sika, hoặc giá trị do hai bên cùng thỏa thuận thống nhất.

Any violation under the provisions of Article 1 caused by any employee of the Supplier, the Supplier must pay the corresponding fine to Sika, or the value mutually agreed upon by both parties.

2.3 Nhà Cung cấp chịu trách nhiệm chi trả cho Sika dựa trên những Biên bản vi phạm được lập khi có sự việc xảy ra với các bằng chứng hình ảnh vi phạm liên quan và hai bên đã cùng nhau thống nhất biên bản.

The Supplier is responsible for paying Sika based on the Minutes of Violation made when there is an incident with relevant visual evidence of violations and the two parties have mutually agreed on the minutes.

ĐIỀU 3/ ARTICLE 3: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN / PAYMENT METHOD

3.1 Trước khi tiến hành nghiệm thu dự án, **Bộ phận An toàn của Sika** sẽ gửi “**Bảng tổng hợp các vi phạm**” đến Nhà Cung cấp để yêu cầu thanh toán chi trả cho các vi phạm đã được ghi nhận trước đó bởi nhân viên của Nhà Cung cấp.

Before conducting the project acceptance test, Sika's EHS Department will send a "Summary of violations" to the Supplier to request payment for previously recorded violations by its employees.

3.2 Trong vòng 07 ngày làm việc, Nhà Cung cấp phải tiến hành thanh toán đầy đủ theo Bảng tổng hợp các vi phạm do Sika gửi hoặc Nhà Cung cấp xác nhận việc cản trừ công nợ cho Sika (nếu có). Sau khi Sika nhận đầy đủ khoản thanh toán cho theo Bảng tổng hợp hoặc có xác nhận cản trừ công nợ cho Sika (nếu có), thì việc nghiệm thu dự án mới được thực hiện.

Within 7 working days, the Supplier must either make full payment according to the Summary of Violations sent by Sika, or confirm any debt offset to Sika. After Sika receives full payment or confirmation of debt offset from the Supplier (if any), the project acceptance will proceed.

3.3 Phương thức thanh toán/ *Payment method*

Nhà Cung cấp có thể chọn các hình thức thanh toán sau/ *The Supplier can choose the following payment methods:*

- Chuyển khoản vào tài khoản của Sika theo chi tiết tại trang 1 của hợp đồng này.

Payment method: Bank transfer to Sika's account according to details on page 1 of this contract.

- Thanh toán bằng tiền mặt cho bộ phận Kế toán của Sika

Cash payment to Sika's Accounting department



3.4 Nội dung thanh toán: “Thanh toán chi phí vi phạm an toàn lao động tại Sika – Công ty {Nhà Cung cấp}”.

Payment content: “Payment for the EHS violations at Sika – Company {Supplier}”.

ĐIỀU 4/ **ARTICLE 4:** ĐIỀU KHOẢN CHUNG / **GENERAL PROVISIONS**

4.1 Phụ lục Hợp đồng này được lập nhằm bổ sung cho **Hợp đồng số**, đã ký ngày, các điều khoản khác vẫn áp dụng theo Hợp đồng gốc, không thay đổi.

*This Annex Contract is made for the supplement of **Contract No.**, signed on, other terms still apply under the original Contract, unchanged.*

4.2 Phụ lục hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản Tiếng Việt và Tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 (một) bản. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa bản tiếng Anh và tiếng Việt, thì bản tiếng Việt sẽ được chọn làm ngôn ngữ để giải thích Phụ lục Hợp đồng.

This Annex is made in 02 (two) original copies in English and Vietnamese, all copies are equally authentic. Each Party keeps 01 (one) copy. In the event of inconsistency between English version and Vietnamese version, the parties agree that the Vietnamese version shall prevail.

ĐẠI DIỆN SIKA
SIKA REPRESENTATIVE

ĐẠI DIỆN NHÀ CUNG CẤP
SUPPLIER REPRESENTATIVE

{name}
{title}

{name}
{title}

{name}
{title}